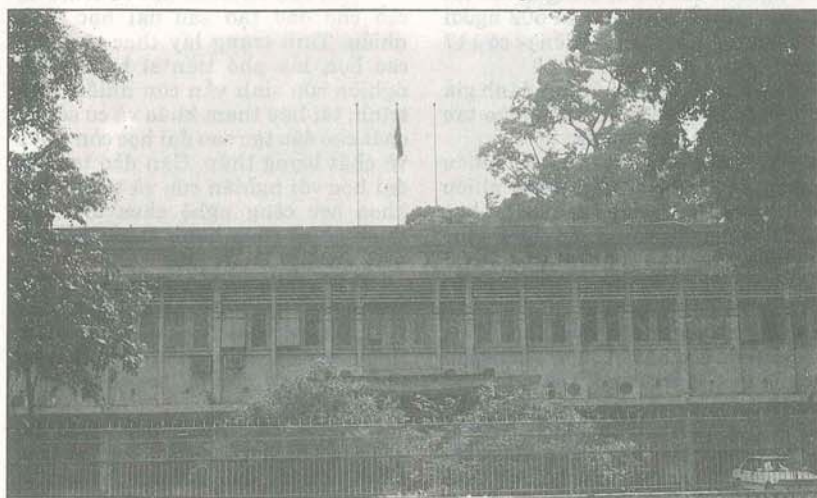


TỔ CHỨC ĐÀO TẠO THEO MÔ HÌNH ĐẠI HỌC ĐA LĨNH VỰC Ở ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP.HCM

PGS. ĐÀO CÔNG TIẾN
Phó giám đốc ĐHQG TP.HCM



1. MẤY NÉT KHÁI QUÁT VỀ HIỆN TRẠNG TỔ CHỨC ĐÀO TẠO VÀ NGHIÊN CỨU TRIỂN KHAI KHOA HỌC CÔNG NGHỆ CỦA CÁC TRƯỜNG HỢP NHẤT VÀO ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP.HCM.

Đại học Quốc gia (ĐHQG) TP.HCM, được thành lập theo Nghị định số 16 - CP ngày 27.1.1995 của chính phủ nước Cộng hòa XHCN Việt Nam, trên cơ sở sắp xếp và tổ chức lại một số trường đại học và Viện nghiên cứu khoa học ở khu vực TP.HCM, trước mắt là 9 trường ĐH: Tổng hợp TP.HCM, ĐH Sư phạm Kỹ thuật Thủ Đức, ĐH Bách khoa TP.HCM, ĐH Nông lâm, ĐH Kinh tế TP.HCM, ĐH Tài chính kế toán, ĐH Sư phạm, ĐH kiến trúc, Phân hiệu Đại học Luật TP.HCM.

Các trường đại học tham gia vào việc hình thành ĐHQG TP.HCM theo Nghị định 16 - CP vốn là các trường tồn tại độc lập với nhau và đặt dưới sự quản lý trực tiếp của bốn Bộ: Bộ Giáo dục và đào tạo (6 trường), Bộ Tài chính (1 trường), Bộ xây dựng (1 trường) Bộ tư pháp (1 phân hiệu). Trong 9 trường, có nhiều trường lớn,

gộp chung lại có nguồn lực lớn, đa ngành, đa lĩnh vực đối với đào tạo và nghiên cứu triển khai khoa học. Cấu trúc về tổ chức nói chung và về tổ chức đào tạo, nghiên cứu khoa học nói riêng nhìn chung không đồng nhất - vừa có nét chung, vừa có nét riêng biệt, vừa có sự trùng lặp và hẫng hụt nhất định so với sự đòi hỏi của xã hội. Những điều kiện đảm bảo chuẩn mực và chất lượng đào tạo, nhìn chung còn rất hạn chế và phân bố không đều giữa các trường, giữa các ngành đào tạo. Có thể nhìn thấy những điều này qua một số nét đặc trưng sau đây:

1. Gộp các trường lại, ĐHQG TP.HCM có một đội ngũ cán bộ khoa học trên 4.000 người, trong đó có trên 2.900 cán bộ giảng. Đội ngũ này được đào tạo từ nhiều nguồn. Số có trình độ trên đại học có trên 600 người, chiếm tỷ lệ 15% so với tổng số đội ngũ.

Tổng diện tích đất sử dụng có 428.541m². Diện tích các công trình xây dựng đang sử dụng có 163.255 m² phần lớn là cấp hai, cấp ba, gồm nhà làm việc, phòng học, thư viện, phòng

thí nghiệm, cơ sở thực nghiệm, ký túc xá sinh viên và các công trình công cộng khác nằm rải rác trong các trường. Theo quy hoạch, ĐHQG TP.HCM sẽ có cơ sở chính được xây dựng trên khu đất 800 ha ở Thủ Đức và Thuận An, Sông Bé.

Kinh phí hoạt động hàng năm (1995) có khoảng trên 80 tỷ đồng, trong đó trên 60% từ ngân sách nhà nước cấp.

Tổng số sinh viên các hệ đang được đào tạo có khoảng trên 80.000 người, trong đó có khoảng 32.000 sinh viên hệ chính quy.

2. Đại học Quốc gia TP.HCM đào tạo theo đủ 7 chương trình đào tạo đại cương ở giai đoạn I và 68 ngành đào tạo chuyên ngành ở giai đoạn II, gồm các ngành khoa học tự nhiên, khoa học xã hội và nhân văn, kỹ thuật và công nghệ, kinh tế và quản lý, sư phạm và sư phạm kỹ thuật, luật.

Qua quan sát, phân tích đánh giá, có mấy nét ghi nhận sau đây về hệ thống ngành đào tạo:

. Nhìn chung đã bước đầu đi vào đào tạo theo diện rộng.

. Có nhiều bộ phận kiến thức chung trong không ít ngành đào tạo khác nhau ở các trường khác nhau, cần thiết và có khả năng phối hợp trong tổ chức đào tạo để khai thác khả năng của đội ngũ giáo viên giỏi (kiến thức khoa học cơ bản đối với nhiều ngành đào tạo ở Tổng hợp và Sư phạm; kiến thức kỹ thuật công nghiệp đối với nhiều ngành đào tạo ở Đại học Bách khoa, Đại học Kiến trúc, Đại học Sư phạm kỹ thuật, Đại học Nông lâm; kiến thức kinh tế và quản lý đối với nhiều ngành đào tạo ở Đại học Kinh tế, Đại học Tài chính kế toán, Đại học Luật và các khoa kinh tế ở Đại học Tổng hợp, bách khoa, Nông lâm. Trong khi đó, trình độ chuyên môn của đội ngũ cán bộ giảng dạy gắn với các ngành đào tạo các khối kiến thức đó ở các trường có sự chênh lệch lớn. Tỷ lệ cán bộ giảng dạy có trình độ trên đại học so với tổng số cán bộ giảng dạy ở Đại học

Bách khoa là 30%, Đại học Tổng hợp 23%, Đại học Kinh tế 20%, Đại học Nông lâm 14%, Đại học Sư phạm 12%, Đại học Tài chính kế toán và Đại học Kiến trúc 10%, Đại học Luật 6%. Rất đáng tiếc là trong thời gian qua vì tổ chức đào tạo theo kiểu khép kín bằng việc tự túc tự cấp giáo viên cho yêu cầu trang bị "đầy đủ" mọi kiến thức trong phạm vi từng trường nên không thực hiện được sự phối hợp để sử dụng đội ngũ. Do đó đứng trên góc độ tổng thể của các trường vừa lãng phí năng lực thầy giỏi ở chỗ này, vừa thiếu thầy giỏi phải sử dụng thầy không giỏi, thậm chí thấy chưa đủ tiêu chuẩn giảng ở chỗ khác. Theo đó, việc sử dụng thiết bị phục vụ lên lớp và thực hành cũng có sự bất hợp lý tương tự.

Một số ngành được đào tạo trùng lặp với nhau giữa các trường (như ngành kỹ thuật xây dựng ở cả hai trường Bách khoa và Kiến trúc; ngành tài chính, tiền tệ và tín dụng, ngành kế toán ở cả hai trường Đại học Kinh tế và Đại học Tài chính kế toán; ngành kinh tế học và quản trị kinh doanh ở Đại học Kinh tế, Đại học Tổng hợp, Đại học Bách khoa và Đại học Nông lâm). Ngay những ngành hoàn toàn trùng lặp này cũng không có sự phối hợp chặt chẽ về xây dựng chương trình và sử dụng nguồn lực để đào tạo.

Có một số ngành bố trí đào tạo không hợp lý (như ngành mỹ thuật công nghiệp gắn liền với trường Kiến trúc, nhưng bố trí ở Đại học Bách khoa; ngành chế tạo máy nông nghiệp gắn nhiều với Đại học Bách khoa nhưng bố trí ở Đại học Nông lâm).

3. Các trường đại học đều mở rộng đa dạng loại hình đào tạo, bao gồm: tập trung và không tập trung thời gian, tại chức, mở rộng và một số dạng hình đặc thù khác.

Hệ chính quy tập trung có điều kiện đảm bảo chất lượng tốt hơn và trên thực tế chất lượng đào tạo có chuyển biến theo chiều hướng tích cực. Điều đáng tiếc là do thiếu phòng học, thiếu ký túc xá cho sinh viên ở xa, nên quy mô của hệ chính quy tập trung chưa phát triển nhanh, mạnh đúng tầm của nó. Số sinh viên hệ chính quy cả bậc đại học và sau đại học chiếm tỷ lệ khoảng 40% so tổng số sinh viên. Tổng số sinh viên đã tốt nghiệp từ 1990 đến 1994 mới có khoảng 14.700 người.

Nhu cầu của xã hội đối với các hệ đào tạo chính quy không tập trung, mở rộng, tại chức, nhất là tại chức ở các địa phương khá lớn, các trường đã có nhiều nỗ lực phát triển các hình thức đào tạo này. Số sinh viên tại chức của tất cả các trường có khoảng trên 32.000 với rất nhiều lớp trên 25

tỉnh, thành phố phía Nam. Các trường có số sinh viên tại chức nhiều là Đại học Tài chính kế toán (trên 10.000 sinh viên), Đại học Tổng hợp (trên 5.700 sinh viên), Đại học Bách khoa (trên 5.300 sinh viên), Đại học Kinh tế (trên 4.400 sinh viên), Đại học Sư phạm (trên 2.200 sinh viên).

Bên cạnh mặt tích cực trên, còn có mặt đáng lưu tâm là điều kiện đảm bảo chất lượng còn nhiều hạn chế (cả về phía người học và phía nhà trường) chưa thể yên tâm được.

4. Về đào tạo cao học và nghiên cứu sinh

Trong 9 trường, có 8 trường được phép đào tạo cao học và 6 trường đào tạo nghiên cứu sinh. Tính đến nay số lượng đã và đang đào tạo có trên 2.000 sinh viên cao học và khoảng 430 nghiên cứu sinh, trong đó đã tốt nghiệp với bằng thạc sĩ là 502 người và với bằng phó tiến sĩ, tiến sĩ có 117 người.

Có thể có mấy nhận xét đánh giá chính sau đây về hiện trạng đào tạo sau đại học ở các trường:

Trong thời gian qua, nhiều trường đã chú ý và tập trung nhiều nỗ lực phát triển đào tạo sau đại học và đã mang lại tác dụng thiết thực cho việc nâng cao chất lượng đội ngũ của chính mình và đáp ứng một phần yêu cầu xã hội. Tuy nhiên quy mô đào tạo đến nay vẫn còn quá nhỏ bé so với yêu cầu của xã hội và so với nguồn lực của một số trường. Tỷ số sinh viên sau đại học so với tổng số sinh viên chính quy mới chiếm khoảng 5,6%. Tỷ lệ này ở Đại học Bách khoa Hà Nội là 7,7% và ở một số đại học nước ngoài khoảng 30 - 40%.

Việc phối hợp giữa các trường trong việc tập hợp, tổ chức để khai thác nguồn lực cho đào tạo sau đại học



chưa thực hiện tốt, nên một số trường không nâng được quy mô, thậm chí có một số trường chưa đào tạo được cao học (01 trường) và nghiên cứu sinh (03 trường). Ngoài ba trường (Tổng hợp, Bách khoa, Kinh tế) có số sinh viên sau đại học đã và đang đào tạo từ 500 đến 700, các trường khác chỉ khoảng từ 90 đến 200 sinh viên trong khoảng thời gian 5 đến 10 năm lại đây.

Danh mục ngành cũng như nội dung chương trình, phương pháp đào tạo chưa hoàn chỉnh, còn lạc hậu so với nội dung chương trình, cách dạy và học của nhiều đại học ở các nước khu vực và trên thế giới, lạc hậu so với các chương trình sau đại học trong các dự án hợp tác quốc tế hiện đang được thực hiện tại các trường ở VN.

Số cán bộ khoa học có trình độ cao cho đào tạo sau đại học chưa nhiều. Tình trạng lấy thạc sĩ giảng cao học, lấy phó tiến sĩ hướng dẫn nghiên cứu sinh vẫn còn nhiều, giáo trình, tài liệu tham khảo và cơ sở vật chất cho đào tạo sau đại học còn thiếu và chất lượng thấp. Gần đây đào tạo sau đại học với nghiên cứu và triển khai khoa học công nghệ chưa tốt, nên thiếu cơ sở thực hành thiết thực và hiệu quả.

Quan hệ về tổ chức quản lý đào tạo sau đại học giữa cấp bộ với trường với khoa còn lúng túng và nhiều điểm thiếu hợp lý, hạn chế nhiều đến sự phát triển về quy mô và chuẩn mực chất lượng đào tạo.

Ngoài ra, thông qua quan hệ quốc tế, hiện có hàng chục chương trình hợp tác đào tạo sau đại học và nghiên cứu khoa học được thực hiện bằng nguồn tài chính tài trợ của nước ngoài, bằng sự trợ giúp trực tiếp về cán bộ giảng dạy, phương tiện vật chất kỹ thuật và kinh nghiệm của công nghệ đào tạo tiên tiến. Tuy số người được đào tạo chưa phải nhiều, nhưng đạt chất lượng cao, tác dụng chuyển giao công nghệ đào tạo tiên tiến lớn.

5. Kết hợp nghiên cứu triển khai khoa học công nghệ với đào tạo

Các trường tham gia hình thành ĐHQG TP.HCM có nguồn lực nghiên cứu triển khai khoa học công nghệ khá mạnh, với đội ngũ cán bộ khoa học đông đảo, đa ngành, đa lĩnh vực, trong đó không ít cán bộ khoa học có trình độ cao, thậm chí là đầu đàn trong một số lĩnh vực ở tầm quốc gia và khu vực phía Nam, có hệ thống nhiều phòng thí nghiệm, trạm thực nghiệm, trung tâm nghiên cứu và ứng dụng khoa học khá đa dạng.

Trong nhiều năm qua ở các trường, nhất là ở Đại học Tổng hợp, Bách khoa, Kinh tế, Nông lâm, Kiến trúc, Sư phạm, Sư phạm kỹ thuật, Tài chính kế toán có hoạt động nghiên

cứu và triển khai khoa học công nghệ với nhiều đề tài thuộc các chương trình cấp nhà nước, cấp bộ và hợp đồng nghiên cứu dịch vụ với các tổ chức, công ty trong và ngoài nước, trong đó có nhiều công trình lớn có tầm cỡ, có đóng góp thiết thực cho sự phát triển của đất nước.

Nét đáng chú ý là trong vòng 10 năm trở lại đây, có trên 40 trung tâm nghiên cứu triển khai khoa học công nghệ ra đời hoạt động theo cơ chế thị trường khá năng động với trên 600 cán bộ công nhân viên thuộc biên chế trực tiếp và hàng ngàn lượt cán bộ khoa học, sinh viên là cộng tác viên. Sự ra đời và hoạt động của các trung tâm này có tác dụng tích cực, thiết thực trên ba mặt sau đây:

. Gắn nghiên cứu với triển khai và dịch vụ khoa học công nghệ, tạo kênh mới gắn nhà trường với xã hội bằng hoạt động khoa học.

. Tạo môi trường thực hành thiết thực, hữu ích, bổ sung kiến thức cho thầy và trò trong việc dạy và học.

. Tạo nguồn bổ sung quan trọng cho ngân sách hoạt động của nhà trường.

Như vậy, điều có thể khẳng định được là các trường có tiềm lực khoa học, bước đầu có được khai thác sử dụng vào tạo được sự phát triển nghiên cứu và triển khai khoa học công nghệ đúng hướng. Tuy nhiên so với yêu cầu của đào tạo và yêu cầu phát triển của xã hội, so với tiềm lực khoa học của đại học, thì kết quả nghiên cứu, triển khai khoa học công nghệ của các đại học chưa đúng tầm vóc của nó; sự gắn kết giữa ba mặt đào tạo, nghiên cứu, triển khai ứng dụng dịch vụ chỉ mới đạt kết quả bước đầu và còn rất không đều giữa các trường, các khoa.

Những yếu tố tác động tạo ra hạn chế trên cần được giải quyết là:

. Hệ thống tổ chức nghiên cứu triển khai khoa học cùng với việc giao đề tài và kinh phí từ quỹ nghiên cứu và triển khai khoa học công nghệ của VN còn rất phân tán, trong đó phần cho đại học rất hạn chế so với yêu cầu và tiềm lực khoa học của đại học. Các trường thuộc ĐHQG TP.HCM cùng nằm trong hoàn cảnh chung đó.

. Phần lớn cán bộ khoa học trong các đại học quen với giảng dạy nhiều hơn nghiên cứu. Trong một số năm gần đây, yêu cầu giảng dạy trên địa bàn lớn, thu nhập từ giảng dạy cao, nên nhiều cán bộ giảng dạy bị cuốn hút vào giảng dạy, không còn nhiều thời gian và tâm trí cho nghiên cứu.

6. Điều kiện đảm bảo chất lượng đào tạo nhìn chung có được tăng cường, nhưng còn rất hạn chế và có sự chênh lệch lớn giữa các trường, các ngành đào tạo.

Cán bộ giảng dạy có trình độ sau

đại học chung các trường khoảng 19% so với tổng số cán bộ giảng dạy. Tỷ lệ này ở Đại học Tổng hợp là 23%, Đại học Bách khoa 30%, Đại học Kinh tế 20%, Đại học Nông lâm 14%, Đại học Sư phạm 12%, Đại học Tài chính kế toán và Đại học Kiến trúc là 10% và Đại học Luật là 6%. Tỷ lệ này ở 10 ngành đào tạo đứng đầu về số cán bộ giảng dạy có trình độ sau đại học so với tổng số cán bộ giảng dạy là: Đông phương học 55%, Kinh doanh ngoại thương du lịch Marketing 50%, Quản lý công nghiệp 47%, Thống kê - toán kinh tế và Tin học quản lý 45%, Xây dựng và Toán tin học 35%, Vật lý 34%, Sinh học 34%, Địa chất 37%, Dầu khí 43%, Hóa thực phẩm 39%. Trong khi đó có 10 ngành chưa có cán bộ giảng dạy có trình độ sau đại học.

Thư viện chung của từng trường cũng chỉ có khoảng trên dưới 120.000 đầu sách, vài trăm loại báo và tạp chí đối với các trường lớn; khoảng trên dưới 50.000 đầu sách đối với các trường vừa và nhỏ. Diện tích phòng đọc ở thư viện Đại học Sư phạm là 1.800m², Đại học Nông lâm 712m², các trường còn lại khoảng từ 100 - 300m².

Trường có số máy tính nhiều nhất là Bách khoa có 554 máy, Đại học Kinh tế 250 máy, Đại học Tổng hợp 236 máy, Đại học Sư phạm 174 máy, Đại học Nông lâm 114 máy, Đại học Tài chính kế toán 58 máy, Đại học Kiến trúc 26 máy.

Hiện trạng hạn chế về nguồn lực, nhất là mặt chất lượng trên đây là sự bất cập lớn đối với yêu cầu đảm bảo chuẩn mực, chất lượng đào tạo, nghiên cứu và triển khai khoa học công nghệ - là yếu tố chủ yếu tạo ra khoảng cách tụt hậu quá lớn so với các đại học ở các nước trong khu vực và trên thế giới.

II. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN ĐÀO TẠO, NGHIÊN CỨU VÀ TRIỂN KHAI KHOA HỌC CÔNG NGHỆ CỦA ĐHQG TP.HCM

1. Nghị định 16 - CP xác định ĐHQG TP.HCM là một trung tâm đào tạo và nghiên cứu khoa học đa ngành, đa lĩnh vực của các nước.

ĐHQG TP.HCM có các nhiệm vụ:

. Đào tạo chuyên gia các ngành khoa học và công nghệ theo các trình độ đại học, cao học và tiến sĩ.

. Nghiên cứu khoa học, công nghệ gắn với giảng dạy đào tạo, thông tin khoa học và triển khai các kết quả nghiên cứu vào sản xuất và đời sống.

. Hỗ trợ về mặt thuật cho một số trường khác và một số trường cao đẳng ở địa phương.

2. Để thực hiện mục tiêu và nhiệm vụ trên, ĐHQG TP.HCM đã, đang và sẽ thực hiện các định hướng giải pháp lớn sau đây:

2.1. Sắp xếp và tổ chức lại hệ thống trường khoa gắn với quy trình đào tạo, ngành đào tạo, quy lý hơn.

Chín trường và phân hiệu đại học như đã trình bày ở phần trên, đã và đang được sắp xếp và tổ chức lại thành 10 trường: Đại cương, Khoa học tự nhiên, Khoa học xã hội và Nhân văn, Kỹ thuật, Kinh tế, Kiến trúc, Nông lâm, Sư phạm, Sư phạm kỹ thuật, Luật.

Trường Đại học Đại cương đang được hình thành trên cơ sở các nguồn lực quản lý đào tạo của các cơ sở đào tạo đại cương và cơ bản của các trường. Với năng lực quản lý đó cùng với sự hỗ trợ về đội ngũ cán bộ giảng dạy và cơ sở vật chất kỹ thuật của các trường khác trong ĐHQG đã trực tiếp tổ chức đào tạo từ năm học 1995 - 1996 với các chương trình 1, 2, 3, 4, 6. Trong năm học 1996 - 1997 số sinh viên đào tạo ở Đại học Đại cương dự kiến có khoảng 5.700 sinh viên với các chương trình 1, 2, 3, 4, 5. Như vậy, trường Đại học Đại cương, tuy mới được hình thành, nhưng đã đảm trách trực tiếp đào tạo khoảng 40% sinh viên đại cương. Khoảng 60% số sinh viên còn lại được đào tạo tại Đại học Kinh tế (chương trình 4), Đại học Khoa học xã hội và Đại học Sư phạm (chương trình 6 và 7), Đại học khoa học tự nhiên (chương trình 1, 2, 3). Từ nay đến năm 2000, ĐHQG TP.HCM chủ trương tăng cường đầu tư xây dựng cơ sở trường Đại học Đại cương để sớm đủ sức đảm trách đào tạo giai đoạn 1 cho ĐHQG.

Tư tưởng chỉ đạo nhất quán của ĐHQG TP.HCM là tổ chức đào tạo theo hai khối kiến thức - kiến thức đại cương và kiến thức chuyên ngành. ĐHQG chủ trương tổ chức trường Đại cương với tư cách là tổ chức khung quản lý để thống nhất quản lý từ khâu tuyển sinh đến hoàn thành chương trình và cấp chứng chỉ đại cương. Trên tinh thần đó, từ năm học 1996 - 1997 ĐHQG đã thống nhất tổ chức tuyển sinh chung theo 7 chương trình, mỗi chương trình thi cùng đề tuyển cùng chuẩn.

Điều kiện đảm bảo cho dạy và học đại cương như thầy giáo, giáo trình, tài liệu tham khảo, phương tiện thực hành phải được xây dựng và duy động từ các trường thành viên trong ĐHQG, nhất là Đại học Khoa học tự nhiên, Đại học Khoa học xã hội, Đại học Sư phạm, Đại học Kỹ thuật, Đại học Kinh tế, Luật.

Trường Đại học Khoa học tự nhiên đã được hình thành trên cơ sở các ngành khoa học tự nhiên được tách ra từ Đại học Tổng hợp, Đại học Khoa học tự nhiên đảm trách đào tạo 8 ngành: toán học, toán - tin học, công nghệ thông tin, vật lý, hóa học, địa chất, sinh học, địa lý tự nhiên.

. Trường Đại học khoa học xã hội và nhân văn đã được hình thành trên cơ sở các ngành khoa học xã hội và nhân văn được tách ra từ Đại học Tổng hợp. Đại học Khoa học xã hội và nhân văn đảm trách đào tạo 13 ngành: Kinh tế chính trị, Triết, Địa lý kinh tế, Xã hội học, Thư viện thông tin, Ngữ văn, Báo chí, Sử học, Anh văn, Pháp văn, Nga văn, Đức văn, Đông phương học.

. Đại học Kỹ thuật đã được hình thành trên cơ sở các ngành kỹ thuật công nghiệp của Đại học Bách khoa, Đại học Sư phạm kỹ thuật, Kỹ thuật xây dựng của Đại học Kiến trúc và Kỹ thuật cơ khí nông nghiệp của Đại học Nông lâm. Đại học Kỹ thuật đảm trách đào tạo 7 ngành: Điện - Điện tử, Kỹ thuật máy tính, Cơ khí, Kỹ thuật xây dựng, Hóa thực phẩm, Thăm dò dầu khí và Cơ điện (hệ cao đẳng).

. Trường Đại học Kinh tế đang được hình thành trên cơ sở các ngành kinh tế và quản lý của Đại học Kinh tế, Đại học Tài chính kế toán, Đại học Bách khoa và Đại học Nông lâm. Đại học Kinh tế đảm trách đào tạo các ngành: kinh tế, tài chính tiền tệ và tín dụng, quản trị kinh doanh, thống kê - toán kinh tế - tin học quản lý, kế toán và kiểm toán.

. Trường Đại học sư phạm được tồn tại trên cơ sở sắp xếp và tổ chức lại các ngành đào tạo của Đại học Sư phạm TP.HCM. Đại học Sư phạm đảm trách đào tạo 12 ngành sư phạm: toán, lý, hóa, sinh, văn, sử, địa, Anh, Pháp, Nga, Trung, và đào tạo giáo viên tiểu học.

. Trường Đại học Sư phạm kỹ thuật được tồn tại tiếp trên cơ sở sắp xếp và tổ chức lại các ngành đào tạo của Đại học sư phạm kỹ thuật Thủ Đức sau khi đã chuyển một phần kỹ thuật về Đại học kỹ thuật. Đại học Sư phạm kỹ thuật đảm trách đào tạo 10 ngành: cơ kỹ thuật, thiết kế máy, kỹ thuật điện và điện tử, điện khí hóa về cung cấp điện, cơ khí động lực, cơ khí chế tạo máy, kỹ thuật công nghiệp, kỹ thuật máy, nữ công, kỹ thuật in.

. Trường Đại học Nông lâm được tồn tại tiếp trên cơ sở sắp xếp và tổ chức lại các ngành kỹ thuật Nông - Lâm - Thủy sản của Đại học nông nghiệp 4, sau khi đã chuyển một bộ phận cơ khí và kinh tế về Đại học kỹ thuật và Đại học Kinh tế. Đại học Nông lâm đảm trách đào tạo 10 ngành: cơ khí nông nghiệp, chế biến lâm sản, kỹ thuật chăn nuôi, thú y, nông học, kỹ thuật lâm nghiệp, thủy sản, chế biến bảo quản nông sản, quản trị nông trại, quản lý ruộng đất.

. Trường Đại học Luật đã được hình thành trên cơ sở phân hiệu Đại học Luật tại TP.HCM và khoa luật từ Đại học Tổng hợp chuyển đến Đại học

luật.

. Trường Đại học Kiến trúc đã được hình thành trên cơ sở ngành kiến trúc và quy hoạch đô thị của Đại học Kiến trúc, ngành mỹ thuật công nghiệp của Đại học Bách khoa chuyển đến. Đại học Kiến trúc đảm trách đào tạo 3 ngành: kiến trúc, quy hoạch đô thị, mỹ thuật công nghiệp.

Vấn đề còn đặt ra, cần nghiên cứu xem xét giải quyết tiếp trong việc sắp xếp và tổ chức lại hệ thống trường và ngành đào tạo là:

. Một bộ phận của Khoa quản lý công nghiệp của Đại học Bách khoa còn nằm lại ở Đại học kỹ thuật để hợp tác đào tạo cán bộ quản lý sau đại học với chương trình SAV và đào tạo sau đại học chuyên ngành quản lý công nghệ vốn có gắn bó nhiều với kỹ thuật công nghiệp. Khoa kinh tế của Đại học Nông lâm còn nằm lại ở Đại học Nông lâm với chuyên ngành quản trị nông trại vốn có gắn bó nhiều với kỹ thuật nông nghiệp. Quản lý công nghệ và quản trị nông trại là những chuyên ngành của ngành quản trị kinh doanh là một trong năm ngành đào tạo đặt tại Đại học Kinh tế. Việc xác định mục tiêu, chương trình, quy trình đào tạo và phối hợp sử dụng nguồn lực trong đào tạo thế nào cho nhất quán và có hiệu quả, đó là vấn đề cần phải được xem xét giải quyết tiếp.

. Chương trình đào tạo đại cương theo 7 nhóm ngành, cũng như danh mục 68 ngành đào tạo ở giai đoạn II với mục tiêu, chương trình đào tạo của 68 ngành đó được hình thành trên cơ sở thừa nhận, thừa kế những cái vốn có của các trường thành viên có xử lý trùng lặp ở mức độ nhất định, cần phải được nghiên cứu xem xét tiếp, trong đó phải có vai trò quan trọng của Hội đồng khoa học ĐHQG TP.HCM.

. Việc điều phối, cân đối nguồn lực cho việc đào tạo các ngành, không khép kín theo từng trường mà phải được thực hiện trên mọi quan hệ tổng thể của ĐHQG. Đây cũng là vấn đề cần được nghiên cứu xem xét giải quyết tiếp.

2.2. ĐHQG TP.HCM chủ trương tập trung nhiều nỗ lực để phát triển mạnh hoạt động nghiên cứu và triển khai khoa học công nghệ, gắn kết cho được ba mặt hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và triển khai ứng dụng khoa học công nghệ.

Để làm được điều này, có hai mảng công việc lớn mà ĐHQG phải làm và phải bắt đầu làm ngay.

. Xây dựng một số viện nghiên cứu trực thuộc ĐHQG có thể từ các trung tâm nghiên cứu và triển khai khoa học công nghệ hiện có như Viện tài nguyên và môi trường đã được hình thành trên cơ sở trung tâm nước

và môi trường của Đại học Bách khoa, Trung tâm tài nguyên môi trường của Đại học Tổng hợp, Trung tâm môi trường của Đại học Nông lâm. Cũng có thể lập mới hoặc liên kết với hệ thống viện ngoài đại học, như Viện khoa học Kỹ thuật và công nghệ, Viện khoa học xã hội và nhân văn, Viện công nghệ sinh học.

. Khuyến khích và đào tạo điều kiện để phát triển mạnh hơn nữa hoạt động nghiên cứu triển khai ở trên 40 trung tâm nằm ở các trường. Khi các viện nghiên cứu của ĐHQG ra đời và đi vào hoạt động, các trung tâm sẽ là những bộ phận nghiên cứu, nhất là nghiên cứu triển khai dịch vụ gắn với viện, góp phần đưa kết quả nghiên cứu vào sản xuất và đời sống.

. Viện và các trung tâm nghiên cứu triển khai của ĐHQG, mặc dù phải có lực lượng cán bộ cơ hữu của nó, nhưng lực lượng nghiên cứu và triển khai chính yếu là đội ngũ cán bộ khoa học vừa giảng dạy vừa nghiên cứu triển khai khoa học công nghệ, kể cả lực lượng sinh viên, nhất là sinh viên cao học và nghiên cứu sinh. Sự gắn kết giữa nghiên cứu triển khai khoa học với đào tạo, nhất là đào tạo sau đại học có được thực hiện hay không tùy thuộc vào sự kết hợp này.

2.3. Tư tưởng chỉ đạo mà ĐHQG TP.HCM đeo đuổi là xây dựng thành một trung tâm đào tạo, nghiên cứu và triển khai khoa học công nghệ có chất lượng và chuẩn mực cao vì mục tiêu nhân tài và chất lượng nguồn nhân lực với hệ chính quy và sau đại học mạnh. Đồng thời tiếp tục mở rộng và đa dạng hóa loại hình đào tạo để nhiều người có thể tiếp cận được với đại học.

. Ngoài hệ chính quy (cả đại học và sau đại học) ĐHQG chủ trương tập trung tạo điều kiện cho việc mở rộng quy mô và đảm bảo chất lượng đào tạo các dạng hình đào tạo sau này: . Tại chức dành cho những người đương chức, đương nhiệm.

. Hoàn chỉnh và nâng cao kiến thức đại học cho những người đã tốt nghiệp cao đẳng, đại học ngắn hạn, đại học mở rộng.

. Đào tạo tiếp để lấy bằng đại học thứ hai cho những người đã tốt nghiệp đại học, như đào tạo lấy bằng thứ hai về kinh tế, luật, kỹ thuật v.v...

. ĐHQG TP.HCM chủ trương phát triển quan hệ hợp tác trong đào tạo và nghiên cứu triển khai khoa học với các trường đại học, cao đẳng trên khu vực, nhất là trên vùng ĐBSCL - một vùng kinh tế có vị trí quan trọng, nhưng trình độ học vấn của dân cư ở đây còn rất thấp - thấp hơn nhiều vùng khác trong cả nước.

. Trong việc phát triển quan hệ hợp tác đó, ĐHQG dành sự quan tâm thích đáng đến việc hỗ trợ về học

thuật, hỗ trợ, nâng cao trình độ đội ngũ cán bộ giảng dạy cho các trường đại học cộng đồng (sẽ được thành lập) và các trường cao đẳng ở các địa phương. Trước mắt, Đại học Quốc gia phối hợp với Trung tâm đào tạo tại chức Tiền Giang mở khóa đại học cộng đồng đầu tiên cho DBSCL, nhất là cho các tỉnh khu vực sông Tiền vào đầu năm học 1996 - 1997.

2.4. Để có được một chuẩn mực và chất lượng đào tạo cần thiết cho tất cả các loại hình đào tạo, vấn đề cải tiến bổ sung và xây dựng mới chương trình, giáo trình, tài liệu tham khảo, bồi dưỡng, xây dựng đội ngũ giảng viên, cùng việc tăng cường trang thiết bị phục vụ dạy và học đối với các môn học là vấn đề có tính quyết định.

Trước mắt, dự kiến sử dụng tiền vay của Ngân hàng thế giới, để đầu tư trực tiếp cho việc xây dựng, nâng cấp khoảng 46 môn học của các trường thuộc Đại học Quốc gia.

Ngoài ra, thông qua các dự án đào tạo với nước ngoài, thực hiện chuyển giao thiết bị và công nghệ đào tạo, tăng cường bồi dưỡng giáo viên cho hàng chục môn học khác có liên quan, trong đó phần lớn là các môn học có liên quan với các chương trình kinh tế và quản lý hợp tác với Thụy Sĩ AIT, với Pháp, Mỹ, Canada, Hà Lan, Đức.

Đối với hàng loạt môn học khác, chưa có đủ điều kiện đầu tư lớn và trực tiếp từ các nguồn tài trợ từ bên ngoài, ĐHQG chủ trương tạo điều kiện và khuyến khích các trường với nguồn kinh phí sự nghiệp và tự có, với sự năng động và sáng tạo của mình, phấn đấu hoàn thành trong thời gian ngắn nhất việc cải tiến chương trình, biên soạn giáo trình tài liệu tham khảo, bồi dưỡng bố trí sắp xếp lại đội ngũ giáo viên đảm trách các môn học một cách hợp lý hơn theo tinh thần có sự kết hợp cân đối lực lượng giữa các trường trong ĐHQG.

2.5. ĐHQG TP.HCM chủ trương mở rộng nhanh cách tổ chức đào tạo theo học chế tín chỉ và áp dụng các phương pháp đánh giá kết quả học tập tiên tiến khách quan hơn.

Sẽ tiến hành đánh giá và thống nhất hóa cách tổ chức đào tạo theo học chế tín chỉ đã và đang được thực hiện ở Đại học Kỹ thuật, Đại học Đại cương, Đại học Khoa học tự nhiên, Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn; trên cơ sở đó mở rộng ra tất cả các trường khác.

Học tập kinh nghiệm các trường bạn trong nước và tiếp nhận công nghệ đánh giá tiên tiến của các đại học trên thế giới, nhất là các đại học Mỹ mà ĐHQG có quan hệ, để hình thành cho được cách đánh giá kết quả học tập mới, khách quan và

hiện đại thay cho cách đánh giá cũ.

2.6. Sinh viên vừa là nhân vật trung tâm của hoạt động đại học vừa là mục tiêu, là người thụ hưởng trực tiếp thành quả đào tạo, vừa là động lực của hoạt động đào tạo. ĐHQG chủ trương nghiên cứu cải tiến công tác sinh viên theo tinh thần tôn trọng quyền, đề cao trách nhiệm và chăm lo đời sống và điều kiện học tập của sinh viên. Một số định hướng giải pháp chính là:

Nghiên cứu cải tiến cách tuyển sinh, có thừa kế kết quả học tập ở phổ thông trung học ngày càng nhiều hơn.

Cải tiến chế độ học phí theo tinh thần phát huy nhiều hơn khả năng đóng góp từ phía người học, đồng thời có chế độ miễn giảm học phí đối với đối tượng chính sách và nghèo khó.

Cải tiến chế độ học bổng theo tinh thần khuyến khích và tạo điều kiện phát triển tài năng, đồng thời có chú ý thích đáng nhằm khuyến khích và tạo điều kiện cho sinh viên diện chính sách, sinh viên nghèo theo học được, và học giỏi. Chế độ học bổng hợp lý còn phải góp phần hướng sinh viên đăng ký thi và theo học các ngành đào tạo cần tuyển sinh viên như Sư phạm, Kinh tế, Kỹ thuật nông nghiệp.

Khai thác nguồn đầu tư đa dạng, trong đó có phần đóng góp của địa phương và từ dịch vụ một cách năng động của sinh viên để cải thiện điều kiện ăn, ở, đi lại, sinh hoạt văn hóa xã hội của sinh viên. Trước mắt cần sử dụng một cách có hiệu quả sự đóng góp của các địa phương trường xây dựng mở rộng khu ký túc xá sinh viên ở Thủ Đức.

Tạo điều kiện phát huy vai trò của tổ chức Đoàn TNCS và Hội sinh viên trong việc tập hợp tổ chức đưa sinh viên vào những hoạt động hữu ích, lành mạnh vì lợi ích học tập rèn luyện của sinh viên và phong trào xây dựng trường, xây dựng xã hội.

2.7. Việc xây dựng cơ sở chính của ĐHQG ở khu đất 800 ha ở Thủ Đức và Thuận An Sông Bé phải được làm một cách tích cực nhưng cũng phải rất căn cơ, để khi định hình đáp ứng được yêu cầu đào tạo, nghiên cứu và triển khai khoa học ở trình độ phát triển lúc đó và không lạc hậu so với các cơ sở đại học của các nước trong khu vực. Để làm được việc đó, ngoài việc dựa vào năng lực quy hoạch, thiết kế, thi công trong nước, kể cả của trường Kiến trúc, cần phải nhờ đến năng lực của các tổ chức quy hoạch thiết kế ở nước ngoài, nhất là các tổ chức giải về quy hoạch thiết kế xây dựng đại học. Trong bước 1 từ đây đến năm 2000, phần đầu xây dựng về cơ bản cơ sở hạ tầng, xây dựng trường Đại cương và trường Luật.

Trong khi chưa xây dựng xong, chưa chuyển hết các trường về cơ sở mới, ĐHQG vẫn phải phát triển cả về quy mô chiều rộng và chất lượng chiều sâu của đào tạo, nghiên cứu và triển khai khoa học công nghệ, vẫn phải phát triển hợp tác quốc tế. Do đó ĐHQG chủ trương bảo tồn và nâng cấp các cơ sở hiện có (kể cả công trình xây dựng và trang thiết bị kỹ thuật).

ĐHQG dự định sử dụng một phần lớn nguồn vốn vay của Ngân hàng thế giới cho việc xây dựng mới và nâng cấp hệ thống thiết bị cho đào tạo và nghiên cứu triển khai khoa học, nhất là các cơ sở vật chất kỹ thuật dùng chung cho ĐHQG (thư viện, trung tâm máy tính và thông tin, phòng thí nghiệm, khu sinh viên...)

3. Để thực hiện được mục tiêu, nhiệm vụ và các định hướng giải pháp trên, ngoài nỗ lực tự thân của mình, ĐHQG xin kiến nghị với chính phủ, chính quyền các địa phương và Bộ giáo dục và đào tạo một số vấn đề sau đây:

3.1. Tăng cường đầu tư, hỗ trợ tài chính từ ngân sách trung ương và địa phương, đưa nhanh tiến độ vay và sử dụng vốn vay từ Ngân hàng thế giới cho ĐHQG TP.HCM.

3.2. Thực thi nhanh các quy định của Nghị định 16 - CP và quy chế ĐHQG mà Thủ tướng chính phủ sắp phê duyệt về tư cách pháp nhân và quyền tự chủ của ĐHQG, nhất là trên các mặt quản lý đào tạo, hợp tác quốc tế, tài chính và nhân sự.

3.3. Đề nghị chính phủ tiếp tục nghiên cứu xem xét lại đề nghị cho hợp nhất hệ thống cơ sở đại học và cơ sở nghiên cứu và triển khai khoa học công nghệ, để tạo sự gắn kết giữa đào tạo, nghiên cứu khoa học và dịch vụ khoa học công nghệ đối với các trường đại học, nhất là các đại học lớn đa ngành, đa lĩnh vực như ĐHQG TP.HCM. Trước mắt đề nghị cho sát nhập cục bộ một số viện nghiên cứu khoa học ở khu vực TP.HCM vào ĐHQG như tinh thần Nghị định 16 - CP.

3.4. Đề nghị Bộ giáo dục - Đào tạo và chính phủ cho lập một số đại học cộng đồng, đặt dưới sự hỗ trợ về học thuật và xây dựng đội ngũ cán bộ giảng dạy của ĐHQG.

3.5. Đề nghị Bộ giáo dục - Đào tạo có chủ trương và chỉ đạo nghiên cứu cải tiến bổ sung một số chính sách, chế độ về tuyển sinh, học phí, học bổng. Về phần mình ĐHQG TP.HCM sẽ nghiên cứu lập đề án cải tiến, sửa đổi trình Bộ.

Tham luận trong hội thảo "Tổ chức và đào tạo theo mô hình Đại học đa lĩnh vực tại VN" từ ngày 19 đến 20.6.1996 tại trường Đại học Kinh tế TP.HCM do Bộ giáo dục và đào tạo và ĐHQG TP.HCM tổ chức.